

Trường Cao Đẳng Công Nghệ Thủ Đức

Trung Tâm Đào Tạo NNL & HTDN

DANH SÁCH THI

Mã lớp: 1904CNTTNC1

Ngày bắt đầu: 09/04/2019 Ngày kết thúc: 30/05/2019

MÔN: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NĂNG
CAO 1

NGÀY THI: 30/05/2019

GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH: NGUYỄN THANH VŨ

STT	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NGUYÊN QUẢN	Mã HV	Điểm		Chữ ký	Số máy	Ghi chú
						LT	TH			
1	Đinh Hà	An	28/09/1995	Hà Nam	HV 1	7,5	7,5	An	26	
2	Vũ Thị Phương	Anh	19/10/1998	Thanh Hóa	HV 2	9,0	7,0	P.Anh	24	
3	Nguyễn Phi	Bảo	15/05/1998	TP. HCM	HV 3	7,5	7,0	Bảo	05	
4	Nguyễn Thanh	Cần	18/10/1996	Long An	HV 4	4,5	9,0	Cần	19	
5	Trần Văn	Chánh	05/01/1998	TP. HCM	HV 5	5,0	6,0	Chánh	02	
6	Nguyễn Đình Khánh	Du	02/07/1998	Bình Định	HV 6	4,0	9,0	Du	20	
7	Nguyễn Anh	Dũng	17/07/1999	Thái Bình	HV 7	6,5	9,5	Dũng	22	
8	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	03/10/1998	TP. HCM	HV 8	9,0	8,5	Duyên	03C	
9	Lượng Gia	Hân	10/11/1997	TP. HCM	HV 9	8,0	9,0	Hân	44	
10	Trần Minh	Hiếu	29/12/1997	Đồng Tháp	HV 10	6,0	6,5	Hiếu	03	
11	Trần Thanh	Hoài	21/04/1998	Thái Bình	HV 11	9,0	6,5	Hoài	06	
12	Lê Đức	Hoàng	10/09/2000	Bình Định	HV 12	9,5	6,5	Hoàng	16	
13	Doãn Hoàng	Huy	20/06/1998	Quảng Nam	HV 13	7,0	8,5	Huy	22	
14	Ngô Thị Ngọc	Huyền	01/01/1999	Thanh Hóa	HV 14	9,5	9,0	Huyền	14	
15	Đặng Thị Kim	Loan	26/05/1997	Ninh Thuận	HV 15	8,0	7,0	Loan	33	
16	Nguyễn Thị Lệ	My	14/08/1998	Bình Định	HV 16	9,0	9,5	My	30	
17	Trần Ngọc Diệu	My	10/07/1997	Ninh Thuận	HV 17	8,5	7,0	My	37	
18	Nguyễn Tấn	Nghĩa	11/12/1997	BR-VT	HV 18	8,5	6,0	Nghĩa	01C	
19	Vũ Thị Hồng	Ngọc	03/01/1999	Hà Nội	HV 19	9,5	9,0	Ngọc	13	
20	Huỳnh Minh	Nhân	21/07/1997	Tiền Giang	HV 20	9,0	10,0	Nhân	02C	
21	Nguyễn Thị Tuyết	Như	02/06/1998	TP. HCM	HV 21	9,5	9,5	Như	23	
22	Phan Tiến	Quân	10/08/1995	Bình Định	HV 22	3,0	9,0	Quân	17	
23	Ung Minh	Quốc	25/09/1998	Bình Định	HV 23	8,5	8,0	Quốc	08	
24	Lê Trọng	Suốt	03/11/1999	Thanh Hóa	HV 24	7,0	6,5	Suốt	09	
25	Đặng Thị Hồng	Tâm	17/08/1997	Gia Lai	HV 25	8,0	6,5	Tâm	38	
26	Phạm Xuân	Thái	18/09/1997	Hải Dương	HV 26	8,0	7,0	Thái	04	
27	Nguyễn Quốc	Thắng	14/05/1999	Kiên Giang	HV 27	7,5	5,0	Thắng	11	
28	Bùi Xuân	Thắng	28/02/1998	Vĩnh Phúc	HV 28	5,5	5,0	Thắng	04	
29	Nguyễn Văn	Tiến	01/05/1997	Thừa Thiên Huế	HV 29					
30	Lê Công	Toàn	18/08/1999	Bình Định	HV 30	7,0	7,5	Toàn	10	

STT	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NGUYÊN QUÁN	Mã HV	Điểm		Chữ ký	Số máy	Ghi chú
						LT	TH			
31	Trần Thị Tú	Trình	08/08/1998	Bình Định	HV 31	8.5	8.5		29	
32	Trần Đình Thanh	Trường	26/11/1998	TP. HCM	HV 32	9.5	6.0		07	
33	Hoàng Bảo	Uyên	20/11/1998	Bình Thuận	HV 33	8.5	9.0		31	
34	Nguyễn Thị Ý	Vy	15/12/1998	TP. HCM	HV 34	8.5	8.5		43	
35	Phạm Tiến	Dũng	22/05/1998	Thái Bình	HV 35	6.5	9.0		18	1811CNT TNC1-2
36	Bạch Văn	Hậu	20/08/1997	Bắc Giang	HV 36	8.5	5.0		36	1811CNT TNC1-4
37	Nguyễn Lê Đức	Khải	29/01/1998	Vĩnh Long	HV 37	7.0	6.0		39	1811CNT TNC1-4
38	Trần Văn	Lợi	08/12/1998	Quảng Nam	HV 38	8.5	5.0		41	1810CNT TNC1
39	Phan Quang	Nam	27/06/1998	Quảng Nam	HV 39	7.0	6.5		42	1810CNT TNC1-2
40	Hoàng Thế	Vinh	29/09/1997	Bình Thuận	HV 40	7.5	8.0		34	1811CNT TNC1-4

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2019

Hiện diện: 39 HV

GIÁM ĐỐC

CB COI THI

GIÁO VIÊN CHẤM

Kết quả xếp loại:

- Có HV xếp loại giỏi
- Có HV xếp loại khá
- Có HV xếp loại trung bình
- Có HV xếp loại yếu

TỪ HỒ AN HỘI

NGUYỄN THANH VŨ

NGUYỄN THANH VŨ